

ktra hoc ki1 lop 3

Câu 1 Số liền sau của số 899 là:

A. 898

B. 900

C. 901

D. 890

Câu 2 Số liền trước của số 1000 là:

A. 999

B. 1001

C. 998

D. 990

Câu 3 Số lớn nhất trong các số 735, 753, 699, 701 là:

A. 735

B. 753

C. 699

D. 701

Câu 4 Số bé nhất trong các số 542, 524, 452, 425 là:

A. 542

B. 524

C. 452

D. 425

Câu 5 Số gồm 5 trăm, 0 chục và 7 đơn vị được viết là:

- A. 507
- B. 570
- C. 750
- D. 5007

Câu 6 Số 604 được đọc là:

- A. Sáu trăm linh bốn
- B. Sáu trăm bốn mươi
- C. Sáu trăm bốn
- D. Sáu không bốn

Câu 7 Kết quả của phép tính $235 + 142$ là:

- A. 377
- B. 367
- C. 387
- D. 357

Câu 8 Kết quả của phép tính $456 - 123$ là:

- A. 333
- B. 323
- C. 343
- D. 332

Câu 9 Kết quả của phép tính $27 : 3$ là:

- A. 6
- B. 7
- C. 8
- D. 9

Câu 10 Kết quả của phép tính 8×6 là:

A. 42

B. 48

C. 54

D. 36

Câu 11 Kết quả của phép tính $5 \times 7 + 15$ là:

A. 50

B. 45

C. 40

D. 55

Câu 12 Kết quả của phép tính $36 : 6 + 24$ là:

A. 30

B. 28

C. 32

D. 26

Câu 13 Tìm x , biết $x \times 4 = 32$. Giá trị của x là:

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Câu 14 Tìm x , biết $x : 5 = 7$. Giá trị của x là:

A. 30

B. 35

C. 40

D. 45

Câu 15 Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $3\text{m } 5\text{cm} = \dots \text{cm}$

A. 35

B. 305

C. 350

D. 3005

Câu 16 Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $1\text{km} = \dots \text{m}$

A. 100

B. 1000

C. 10

D. 10000

Câu 17 Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: $2\text{m } 3\text{cm} \dots 230\text{cm}$

A. >

B. <

C. =

D. Không so sánh được

Câu 18 Đồng hồ chỉ 8 giờ 15 phút. Kim phút chỉ vào số mấy?

A. 3

B. 6

C. 9

D. 12

Câu 19 Một hình tam giác có độ dài các cạnh là 3cm, 4cm, 5cm. Chu vi hình tam giác đó là:

A. 12cm

B. 11cm

C. 10cm

D. 13cm

Câu 20 Một hình vuông có cạnh 5cm. Chu vi hình vuông đó là:

A. 10cm

B. 15cm

C. 20cm

D. 25cm

Câu 21 Một hình chữ nhật có chiều dài 8cm, chiều rộng 5cm. Chu vi hình chữ nhật đó là:

A. 13cm

B. 26cm

C. 40cm

D. 30cm

Câu 22 Số thích hợp điền vào chỗ chấm: $\frac{1}{3}$ của 27 là ...

A. 6

B. 9

C. 12

D. 3

Câu 23 Số thích hợp điền vào chỗ chấm: $\frac{1}{4}$ của 32 là ...

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Câu 24 Kết quả của phép nhân 123×3 là:

A. 369

B. 359

C. 379

D. 349

Câu 25 Kết quả của phép chia $84 : 4$ là:

A. 20

B. 21

C. 22

D. 23

Câu 26 Kết quả của phép tính $45 : 5 \times 3$ là:

A. 27

B. 9

C. 15

D. 30

Câu 27 Kết quả của phép tính $6 \times 7 - 12$ là:

A. 30

B. 42

C. 54

D. 24

Câu 28 Tìm x , biết $x + 235 = 456$. Giá trị của x là:

A. 221

B. 231

C. 211

D. 241

Câu 29 Tìm x , biết $x - 123 = 456$. Giá trị của x là:

A. 579

B. 569

C. 589

D. 559

Câu 30 Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $5\text{dm } 3\text{cm} = \dots \text{cm}$

A. 53

B. 503

C. 530

D. 5003

Câu 31 Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $2\text{m} = \dots \text{cm}$

A. 20

B. 200

C. 2000

D. 20000

Câu 32 Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: $4\text{m } 5\text{cm} \dots 450\text{cm}$

A. $>$

B. $<$

C. $=$

D. Không so sánh được

Câu 33 Đồng hồ chỉ 3 giờ 30 phút. Kim phút chỉ vào số mấy?

A. 3

B. 6

C. 9

D. 12

Câu 34 Một hình tam giác có độ dài các cạnh là 4cm, 5cm, 6cm. Chu vi hình tam giác đó là:

A. 14cm

B. 15cm

C. 16cm

D. 13cm

Câu 35 Một hình vuông có cạnh 7cm. Chu vi hình vuông đó là:

A. 14cm

B. 21cm

C. 28cm

D. 35cm

Câu 36 Một hình chữ nhật có chiều dài 10cm, chiều rộng 6cm. Chu vi hình chữ nhật đó là:

A. 16cm

B. 32cm

C. 60cm

D. 30cm

Câu 37 Số thích hợp điền vào chỗ chấm: $\frac{1}{5}$ của 45 là ...

A. 5

B. 9

C. 10

D. 15

Câu 38 Số thích hợp điền vào chỗ chấm: $\frac{1}{6}$ của 42 là ...

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Câu 39 Kết quả của phép nhân 214×4 là:

A. 856

B. 846

C. 866

D. 836

Câu 40 Kết quả của phép chia $96 : 3$ là:

A. 30

B. 31

C. 32

D. 33

Câu 41 Kết quả của phép tính $72 : 8 \times 5$ là:

A. 45

B. 9

C. 40

D. 50

Câu 42 Kết quả của phép tính $9 \times 8 - 20$ là:

A. 52

B. 72

C. 62

D. 42

Câu 43 Tìm x , biết $x \times 6 = 48$. Giá trị của x là:

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Câu 44 Tìm x , biết $x : 7 = 8$. Giá trị của x là:

A. 49

B. 56

C. 63

D. 64

Câu 45 Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $7\text{m } 2\text{cm} = \dots \text{cm}$

A. 72

B. 702

C. 720

D. 7002

Câu 46 Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $3\text{km} = \dots \text{m}$

A. 300

B. 3000

C. 30

D. 30000

Câu 47 Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: 6m 7cm ... 670cm

A. >

B. <

C. =

D. Không so sánh được

Câu 48 Đồng hồ chỉ 10 giờ 45 phút. Kim phút chỉ vào số mấy?

A. 9

B. 10

C. 11

D. 12

Câu 49 Một hình tam giác có độ dài các cạnh là 6cm, 7cm, 8cm. Chu vi hình tam giác đó là:

A. 20cm

B. 21cm

C. 22cm

D. 19cm

Câu 50 Một hình vuông có cạnh 9cm. Chu vi hình vuông đó là:

A. 18cm

B. 27cm

C. 36cm

D. 45cm

Câu 51 Một hình chữ nhật có chiều dài 12cm, chiều rộng 7cm. Chu vi hình chữ nhật đó là:

A. 19cm

B. 38cm

C. 84cm

D. 40cm

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?



Quét QR hoặc truy cập: **diemdanh.app/tao-bai-trac-nghiem**

diemdanh.app